

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 10/2021/DS - ST

Ngày 06/5/2021

V/v: "*Tranh chấp về hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Bách Tùng.

2. Ông Nguyễn Văn Đồi

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 388/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HPT ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S (S bank)**. Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế C - Chức danh: Giám đốc chi nhánh S, theo các quyết định ủy quyền về việc ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 1071/2020/GUQ - PL ngày 23/4/2020, 3977/2020/QĐ - PL ngày 28.12.2020 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP S.

Người được ông Nguyễn Thế C ủy quyền lại để ký đơn khởi kiện: ông Võ Văn H - Chức danh: Phó Giám đốc chi nhánh S, theo các văn bản ủy quyền số

156/2020/GUQ - CNSH ngày 23.4.2020, 531/2020/GUQ - CNSH ngày 29.12.2020, 147/2021/GUQ - CNSH ngày 19.4.2021.

Người được ông Nguyễn Thế C ủy quyền lại để tham gia tố tụng: ông Trương Đình V - Chức danh: Chuyên viên quản lý nợ (thuộc Phòng kiểm soát rủi ro) - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S, theo giấy ủy quyền số 179/2020/GUQ - CNSH ngày 19.4.2021 (Giấy ủy quyền số: 159/2020/GUQ - CNSH ngày 23.4.2020 và Giấy ủy quyền số: 534/2020/GUQ - CNSH ngày 29.12.2020 cho ông Trần Triệu K đã hết hiệu lực). Ông Trương Đình V có mặt.

2. Bị đơn: ông Ngô Văn N, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 141 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 06.11.2017 ông Ngô Văn N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Căn cứ vào thu nhập của ông Ngô Văn N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông Ngô Văn N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 53.095.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Ngô Văn N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.115.000 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ngô Văn N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Ngô Văn N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01.7.2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06.5.2021, ông Ngô Văn N còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 16.420.142 đồng;

Lãi quá hạn: 6.617.260 đồng;

Tổng cộng: 23.037.402 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 23.037.402 đồng nói trên. Ông Ngô Văn N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 07.5.2021 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

* Bị đơn ông Ngô Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của ông Ngô Văn N trong hồ sơ vụ án và

không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Ngô Văn N liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Ngô Văn N. Buộc ông Ngô Văn N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 23.037.402 đồng (tính đến ngày 06.5.2021). Trong đó, tiền gốc: 16.420.142 đồng, lãi quá hạn: 6.617.260 đồng; buộc ông Ngô Văn N tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 07.5.2021 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Ngô Văn N là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Ngô Văn N (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Văn N.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Ngô Văn N bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06.11.2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Ngô Văn N với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất được tính theo biểu phí do Sacombank công bố trong từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, ông Ngô Văn N có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho ông theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, ông Ngô Văn N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 53.095.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Ngô Văn N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.115.000 đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ngô Văn N vẫn không trả nợ. Do ông Ngô Văn N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01.7.2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (06.5.2021), ông Ngô Văn N còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 16.420.142 đồng;

Lãi quá hạn: 6.617.260 đồng;

Tổng cộng: 23.037.402 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn N phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 07.5.2021 cho đến khi ông Ngô Văn N trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06.11.2017 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Ngô Văn N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Văn N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ngô Văn N vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 01.7.2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông

Nhiều và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của S bank. Như vậy, ông Ngô Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn N phải trả số tiền nợ gốc: 16.420.142 đồng, lãi quá hạn: 6.617.260 đồng, tổng cộng 23.037.402 đồng (tính đến ngày 06.5.2021) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.5.2021 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06.11.2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cho đến khi ông Ngô Văn N thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là ông Ngô Văn N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Ngô Văn N phải chịu là $(23.037.402 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.151.870 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 460.500 đồng theo biên lai thu số 06431 ngày 27/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Ngô Văn N.

Xử:

1. Buộc ông Ngô Văn N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 23.037.402 đồng . Trong đó, nợ gốc 16.420.142 đồng, lãi quá hạn là 6.617.260 đồng (tính đến ngày 06.5.2021).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.5.2021 trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06.11.2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cho đến khi ông Ngô Văn N thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí DS - ST: 1.151.870 đồng ông Ngô Văn N phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 460.500 đồng theo biên lai thu số 06431 ngày 27/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa